

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

HOÀNG PHƯƠNG THUYẾT

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI CHI
NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Thái Nguyên - 2012

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận văn

Trong những thập kỷ gần đây, xu hướng toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa các luồng tài chính đã làm thay đổi căn bản hệ thống ngân hàng. Ngành ngân hàng đóng góp một vai trò hết sức to lớn. Sự phát triển của các thị trường tài chính quốc tế và việc đa dạng các công cụ tài chính cho phép ngân hàng dễ tiếp cận tới các nguồn vốn, thị trường được mở rộng và có nhiều cơ hội hơn trong việc đưa ra các sản phẩm, dịch vụ mới. Để đáp ứng những yêu cầu của nền kinh tế, ngân hàng đã từng bước củng cố, cải tiến và phát triển.

Thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) qua ngân hàng là một dịch vụ phong phú, đa dạng và liên tục phát triển, đáp ứng được một phần lớn yêu cầu của nền kinh tế thị trường linh hoạt và năng động. TTKDTM giúp việc tập trung và phân phối vốn được nhanh chóng, an toàn và hiệu quả, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Việc phát triển hệ thống thanh toán qua ngân hàng không chỉ tạo tiền đề, nền tảng cho việc phát triển hoạt động kinh doanh của ngân hàng mà còn giúp Nhà nước quản lý vĩ mô một cách có hiệu quả, đặc biệt là trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Vì lẽ đó, tác giả chọn đề tài ***“Một số giải pháp nâng cao chất lượng thanh toán không dùng tiền mặt tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên”*** để có góc nhìn tổng quan về thực trạng của hoạt động quản lý TTKDTM ở Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên (Agribank Thái Nguyên) nói riêng và ở các Ngân hàng thương mại (NHTM) nói chung, hiện nay. Để từ đó phân tích được nguyên nhân cũng như đề xuất một số giải pháp mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ này.

2. Mục tiêu nghiên cứu của Luận văn

2.1. Mục tiêu chung:

Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý TTKDTM tại Agribank Thái

Nguyên từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng TTKDTM đạt được mục tiêu đã đề ra.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- + Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về TTKDTM;
- + Đánh giá thực trạng công tác quản lý TTKDTM tại Agribank Thái Nguyên;
- + Xác định các yếu tố tác động đến chất lượng TTKDTM tại Agribank Thái Nguyên;
- + Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng TTKDTM tại Agribank Thái Nguyên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận văn

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu phương thức TTKDTM đã, đang và sẽ diễn ra tại Agribank Thái Nguyên.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận văn đã tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý TTKDTM tại các NHTM, thực trạng quản lý TTKDTM tại Agribank Thái Nguyên; Và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý TTKDTM tại Agribank Thái Nguyên.

Về không gian: Luận văn nghiên cứu tại Agribank Thái Nguyên

Về thời gian: Luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý TTKDTM giai đoạn 2009 - 2011, và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý TTKDTM tại Agribank Thái Nguyên đến năm 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp để hệ thống hóa cơ sở lý luận về TTKDTM. Trên cơ sở nghiên cứu những thực tiễn về TTKDTM, và thực hiện điều tra, khảo sát hệ thống NHTM Việt Nam, cũng như trao đổi với các chuyên gia, các nhà khoa học để đưa ra các giải

pháp, kiến nghị góp phần nâng cao chất lượng quản lý TTKDTM cho NHTM Việt Nam, trong đó có Agribank Thái Nguyên.

5. Ý nghĩa khoa học của Luận văn

Về lý luận: Hệ thống hóa những lý luận cơ bản về TTKDTM. Tổng kết những mô hình, thông lệ về TTKDTM hiện đang áp dụng trong nước và trên thế giới và rút ra bài học đối với NHTM Việt Nam.

Về thực tiễn: Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quản lý TTKDTM tại NHTM Việt Nam nói chung, Agribank Thái Nguyên nói riêng, Luận văn đề xuất một số giải pháp quản lý TTKDTM phù hợp với Ngân hàng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng các phương thức TTKDTM của Ngân hàng.

6. Kết cấu của Luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Luận văn gồm bốn chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về thanh toán không dùng tiền mặt

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Thực trạng công tác quản lý thanh toán không dùng tiền mặt tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên

Chương 4: Một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý thanh toán không dùng tiền mặt tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên

MỞ ĐẦU

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

1.1. Cơ sở lý luận về thanh toán không dùng tiền mặt

1.1.1. Khái niệm thanh toán không dùng tiền mặt

Tiền mặt theo nghĩa hẹp, đó là tiền do Ngân hàng Trung ương phát hành ra và nằm trong tay công chúng hay ngoài hệ thống ngân hàng. Còn theo nghĩa rộng nhất, tiền mặt có thể được hiểu là những thứ có thể sử dụng trực tiếp để thanh toán các giao dịch và bao gồm cả tiền gửi ngân hàng. Như vậy, trong trường hợp này khái niệm tiền mặt được dùng để chỉ dạng có khả năng thanh toán cao nhất của tài sản, bao gồm các đồng tiền do Ngân hàng Trung ương phát hành ra và được công chúng giữ để chi tiêu, tiền gửi ở tài khoản vãng lai hay tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, có thể rút ra bất cứ lúc nào bằng cách viết séc. Đối với các NHTM, khái niệm tiền mặt bao gồm các đồng tiền cất trong két sắt và số dư của họ tại Ngân hàng Trung ương. Do được dùng với nhiều nghĩa khác nhau như vậy, nên khi gặp khái niệm này, chúng ta phải lưu ý xem nó được dùng theo nghĩa nào trong một khung cảnh nhất định (Từ điển kinh tế học).

Tiền mặt là hình thức tiền tệ, theo đó, trong thời gian giao dịch, chức năng lưu thông và cất trữ giá trị được thực hiện mà không cần sự tham gia của các định chế tài chính trung gian đặc thù.

Thanh toán, trong các mối quan hệ kinh tế, được hiểu một cách khái quát nhất là việc thực hiện chi trả bằng tiền giữa các bên trong những quan hệ kinh tế nhất định. Tiền ở đây được hiểu là bất cứ cái gì được chấp nhận chung trong việc thanh toán để nhận hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc trong việc trả nợ.

TTKDTM là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các

tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán.

TTKDTM còn được định nghĩa là hình thức thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ... của khách hàng thông qua vai trò trung gian của Ngân hàng. Thanh toán qua Ngân hàng là hình thức thanh toán bằng cách ngân hàng trích từ tài khoản của khách hàng này sang tài khoản của khách hàng khác theo lệnh của chủ tài khoản.

1.1.2 Vai trò của thanh toán không dùng tiền mặt

Thanh toán là khâu đầu tiên và khâu cuối cùng để kết thúc chu trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, có thể khẳng định rằng thanh toán là điều kiện quan trọng để bảo đảm sự tuần hoàn bình thường của quá trình chu chuyển vốn trong từng doanh nghiệp, từng đơn vị kinh tế hay thậm chí là từng cá nhân trong xã hội cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Thanh toán là một khâu quan trọng trong quá trình chu chuyển vốn. Thanh toán nhanh chóng, chính xác, an toàn sẽ làm tăng vòng quay của vốn, giảm lượng tiền trong lưu thông, tiết kiệm chi phí cho xã hội. Phương tiện được sử dụng chủ yếu trong thanh toán đó là tiền tệ. “Tiền tệ là loại hàng hóa đặc biệt dùng làm vật ngang giá chung cho mọi loại hàng hóa, nó là sự thể hiện chung của giá trị, biểu hiện tính chất xã hội của lao động và sản phẩm của lao động”. Tiền tệ được chấp nhận chung trong thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ hoặc hoàn trả các món nợ, nó là sản phẩm tất yếu của quá trình phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa, được kết tinh, hình thành một cách tự nhiên trong trao đổi.

Thanh toán bằng tiền mặt là quá trình tiền tệ thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, được các tổ chức và cá nhân sử dụng chi trả ngay về hàng hoá, dịch vụ cho những giao dịch có giá trị nhỏ. Tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế đó và tính tiện lợi của phương tiện thanh toán, đồng thời phụ thuộc vào trình độ dân trí của mỗi quốc gia. Đối với các nước phát triển, tỷ lệ thanh toán bằng

tiền mặt chỉ chiếm khoảng 10% trong tổng phương tiện thanh toán, trong khi tỷ lệ này ở các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam) thường chiếm từ 30% đến 40%.

Nền kinh tế hàng hóa càng phát triển, luôn đòi hỏi phải có những thay đổi trong phương tiện thanh toán, mua bán hàng hóa. Từ việc trao đổi hàng hóa thông qua chính bản thân hàng hóa đó, rồi đến vật ngang giá (những sản phẩm có tính phổ biến, dễ chấp nhận : đồng tiền kim loại như vàng, bạc). Khi nền sản xuất hàng hóa phát triển hơn nữa, thì việc sử dụng tiền vàng có rất nhiều bất tiện (nặng, khó vận chuyển khi mua một khối lượng hàng hóa lớn, Nhà nước phải dự trữ một khối lượng vàng lớn). Do vậy tiền giấy đã ra đời, rất tiện cho việc chia nhỏ, lưu thông, cất giữ. Đây cũng là hình thức tiền tệ hiện đang được sử dụng phổ biến trên thế giới, nó chính là tiền pháp định của mỗi quốc gia.

Nhưng khi nền kinh tế trên thế giới đã có những thay đổi lớn như hiện nay, cả thế giới như một nền kinh tế khổng lồ, thống nhất, không giới hạn về danh giới địa lý, trong đó mỗi quốc gia “không thể” tự tách mình ra khỏi. Sự gắn kết đó có được là nhờ một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, cụ thể là mạng Internet toàn cầu. Do vậy đòi hỏi phải có hình thức tiền tệ mới, thỏa mãn yêu cầu: gọn nhẹ, bảo đảm, an toàn, dễ dàng trong thanh toán ở mọi lúc mọi nơi, mà lại sinh lời. Đó chính là hình thức “thanh toán kín bằng điện tử” hay còn gọi bởi thuật ngữ “Thanh toán không dùng tiền mặt”.

TTKDTM là quá trình thanh toán không có sự xuất hiện của tiền mặt mà thực hiện bằng cách trích tiền trên tài khoản của người phải trả chuyển sang tài khoản của người hưởng thụ thông qua vai trò trung gian thanh toán là Ngân hàng. Kinh tế càng phát triển, khối lượng hàng hoá và dịch vụ ngày càng phong phú và đa dạng, quan hệ trao đổi được mở rộng, thanh toán bằng tiền mặt càng bộc lộ những hạn chế của nó như là: tính an toàn không cao, dễ bị lợi dụng để tham ô, tăng chi phí xã hội, giảm vòng quay của vốn, làm cho sản

xuất kinh doanh bị chậm lại, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế. TTKDTM khắc phục được những nhược điểm của thanh toán dùng tiền mặt, có tác động qua lại với các nghiệp vụ khác trong hoạt động Ngân hàng, khai thác nguồn vốn tạm thời trong xã hội để đầu tư thông qua số dư trên tài khoản tiền gửi thanh toán của các tổ chức cá nhân, làm tăng hệ số tạo tiền của Ngân hàng thương mại.

Để đáp ứng nhu cầu thanh toán ngày càng nhanh gọn, chính xác thì đòi hỏi phải tổ chức tốt khâu thanh toán. TTKDTM với những ưu điểm được trình bày ở trên và việc sử dụng các công cụ kỹ thuật tùy thuộc vào trình độ phát triển, kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán của từng thời kỳ trở thành yêu cầu khách quan của nền kinh tế hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

1.1.3. Đặc điểm thanh toán không dùng tiền mặt

Sự ra đời của hình thức TTKDTM gắn liền với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ và sự phát triển của nó gắn liền với sự phát triển của hệ thống ngân hàng. Sự tồn tại và lớn mạnh của hệ thống này đã tạo điều kiện cho cá nhân và các tổ chức kinh tế mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và thực hiện việc thanh toán thông qua việc chuyển khoản trong hệ thống ngân hàng. TTKDTM là một hình thức vận động tiền tệ mà ở đây tiền vừa là công cụ để kế toán, vừa là công cụ để chuyển hóa hình thức giá trị của hàng hóa và dịch vụ. Nó có một số đặc điểm sau:

Trong TTKDTM, sự vận động của tiền tệ độc lập với sự vận động của hàng hóa cả về thời gian lẫn không gian và thường không có sự ăn khớp nhau. Đây là đặc điểm quan trọng và nổi bật nhất của hình thức TTKDTM.

Trong TTKDTM, vật trung gian trao đổi không xuất hiện như trong hình thức thanh toán dùng tiền mặt theo kiểu H-T-H mà chỉ xuất hiện dưới dạng tiền kế toán hay tiền ghi sổ và được ghi chép trên các chứng từ sổ sách kế toán. Đây là đặc điểm riêng của TTKDTM.

Trong TTKDTM, ngân hàng vừa là người tổ chức vừa là người thực

hiện các khoản thanh toán. Chỉ có ngân hàng, người quản lý tài khoản tiền gửi của các khách hàng mới được quyền trích chuyển những tài khoản này theo các nguyên tắc chuyên môn đặc thù như là một nghiệp vụ riêng của mình. Với nghiệp vụ này, ngân hàng trở thành trung tâm thanh toán đối với các khách hàng của mình.

Với những đặc điểm nêu trên, TTKDTM nếu được tổ chức và thực hiện tốt sẽ phát huy được tác dụng tích cực của nó. Trong tương lai, theo đà phát triển của xã hội và theo nhu cầu của thị trường, TTKDTM sẽ giữ một vị trí cực kỳ quan trọng trong việc lưu chuyển tiền tệ và trong thanh toán giá trị của nền kinh tế.

1.1.4. Ý nghĩa thanh toán không dùng tiền mặt

TTKDTM góp phần đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn. Từ đó làm tăng vòng quay sử dụng đồng tiền trong nền kinh tế. Bất kỳ một đơn vị sản xuất kinh doanh nào cũng cần có vốn phục vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo quá trình đó diễn ra bình thường và liên tục thì công tác thanh toán nói chung và TTKDTM nói riêng phải được thực hiện nhanh chóng, an toàn và chính xác. Từ đó giúp các doanh nghiệp, các tổ chức, các cá nhân tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn. Trên cơ sở đó, góp phần sử dụng hiệu quả đồng vốn trong nền kinh tế.

Thanh toán lưu thông tiền tệ góp phần tiết kiệm chi phí lưu thông tiền mặt như chi phí in ấn, vận chuyển, bảo quản tiền mặt. Vì đặc điểm của TTKDTM là quá trình thanh toán bằng cách trích chuyển vốn trên các tài khoản để hoàn thành việc thanh toán cho nhau hoặc thanh toán bù trừ lẫn nhau. Nó sẽ góp phần giảm tương đối khối lượng tiền mặt trong lưu thông, từ đó góp phần tiết kiệm được các chi phí cho lưu thông.

TTKDTM tạo được nguồn vốn cho Ngân hàng với chi phí thấp. TTKDTM được thực hiện thông qua việc khách hàng gửi tiền vào tài khoản tại Ngân hàng và tài khoản của khách hàng luôn có số dư thì mới có hiệu lực thanh toán. Từ đó, Ngân hàng đã tạo được nguồn vốn từ số dư trên tài khoản

tiền gửi thanh toán để tiến hành cho vay khi các khoản tiền gửi của khách hàng chưa được sử dụng đến, làm cho đồng vốn tham gia nhiều lần vào chu trình sản xuất, đem lại hiệu quả cho cá nhân và toàn xã hội.

TTKDTM cùng với hoạt động tín dụng tạo ra tiền gửi: Thông qua các khoản tiền mà khách chuyển vào tài khoản của mình tại Ngân hàng, lại chính là xuất phát từ Ngân hàng đó là Ngân hàng đã cấp tín dụng. Như vậy trong phần lớn trường hợp, chính tín dụng tạo ra tiền gửi. Từ đó rút ra rằng: trong một số chừng mực nào đó, các Ngân hàng tùy thuộc vào việc cấp tín dụng nhiều hay ít mà làm tăng nhiều hay ít các khoản tín dụng của khách hàng. Từ đó làm tăng lượng khách hàng giao dịch với Ngân hàng. Giúp Ngân hàng tăng thêm thu nhập, đồng thời đẩy mạnh quay vòng vốn.

TTKDTM đã hạn chế rủi ro, an toàn cao trong lưu thông và mang lại thuận lợi trong việc trao đổi hàng hoá. Chẳng hạn người bán hàng chỉ cầm tờ séc mà người mua phát hành đến Ngân hàng phục vụ mình hoặc Ngân hàng phục vụ người phát hành thì Ngân hàng sẽ trích nợ tài khoản của người phát hành séc nếu tờ séc đó hợp lệ, hợp pháp và trên tài khoản người mua có đủ điều kiện và có tài khoản người bán (người hưởng thụ). Không may trong thời gian chưa nộp séc (séc vẫn còn thời hạn) mà bị mất thì tài sản của họ vẫn được đảm bảo không bị mất nếu khách hàng thông báo việc mất séc với Ngân hàng của mình kịp thời.

TTKDTM tạo điều kiện cho Ngân hàng thực hiện chức năng kiểm soát bằng đồng tiền đối với hoạt động của nền kinh tế. Mặt khác, nó giúp cho Nhà nước có kế hoạch điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền, giữ vững sức mua của đồng tiền.

Thông qua quá trình kiểm soát đối với hoạt động của nền kinh tế, Ngân hàng có những thông tin để phản ánh lên Chính phủ, thông tin để thực hiện các dịch vụ của Ngân hàng. Đồng thời cùng với nhà nước, Ngân hàng có biện pháp bảo đảm cho việc đầu tư và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Chính việc